

Bản án số: 21/2026/DS-ST

Ngày: 09-6-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Dũng và ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 167/2026/TLST-DS ngày 12/01/2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-DS, ngày 08/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2026/QĐST - DS ngày 25/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bé C (tên thường gọi là P), sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T; cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị B Chị trình bày: Giữa bà với vợ chồng ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T là chỗ gần gũi, thân quen với nhau. Do vợ chồng ông Đ có nợ tiền một số người, bị chủ nợ đòi và hăm dọa nên ông Đ, bà T có đến nhà khóc lóc, năn nỉ nhờ bà cho vay (mượn) tiền để trả nợ. Vì là chỗ quen biết, thấy tội nghiệp nên bà đã cho ông Đ, bà T vay nhiều lần, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng; cụ thể: lần thứ nhất: vào ngày 2/7/2021 (âm lịch) cho vay số tiền 10.000.000 đồng; lần thứ 02: vào ngày 17/6/2022 cho vay số tiền 20.000.000 đồng; lần thứ 3: vào ngày 11/10/2022 cho vay số tiền 60.000.000 đồng; cả 03 lần vay tiền đều có viết giấy mượn tiền, bà T và ông Đ ký vào giấy mượn tiền. Khi cho vay, có thỏa thuận miệng (không ghi vào giấy mượn tiền) khi nào bà (Đoàn Thị B Chị) cần lấy lại thì ông Đ, bà T sẽ trả. Đầu năm 2025, bà cần tiền để làm ăn nên có yêu cầu ông Đ, bà T trả nợ nhưng ông Đ, bà T

không chịu trả; đến cuối năm 2025, bà tiếp tục đến nhà để yêu cầu trả nợ thì ông Đ vẫn không chịu trả lại còn lớn tiếng hăm dọa, thách thức bà.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T phải trả nợ cho bà với tổng số tiền qua 03 (ba) lần vay là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, ông Đ đã nhận, đọc nhưng từ chối ký nhận vào Biên bản tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án; đồng thời không chấp hành, vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giải và tại phiên tòa xét xử không có lý do; cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa nên không có ý kiến của ông Đ, bà T trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết Tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 90.000.000 đồng là số tiền nợ mà bị đơn đã vay của nguyên đơn theo 03 giấy mượn tiền vào các ngày 2/7/2021 (âm lịch), 17/6/2022 và 11/10/2022; bị đơn ông Đ, bà T hiện cư trú tại địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, có cơ sở để xác định: Quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Nguyên đơn bà Đoàn Thị B chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đ, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là bản gốc 03 giấy mượn tiền vào các ngày 2/7/2021 (âm lịch), 17/6/2022 và 11/10/2022; Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để bị đơn ông Đ, bà T đến Tòa làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị B Chị, nhưng ông Đ, bà T đều vắng mặt không

có lý do; đồng thời sau khi kết thúc phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 716/TB-TA ngày 28-02-2026 (*trong thông báo về kết quả phiên họp có thể hiện rõ chứng cứ nêu trên*) cho ông Đ, bà T theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, nhưng ông Đ, bà T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện, phản đối chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền theo 03 (ba) giấy mượn nợ nêu trên. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh và Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Trong nội dung giấy mượn tiền ngày 2/7/2021 (âm lịch) thể hiện số tiền mượn là 10.000.000 đồng, có chữ viết và chữ ký của người mượn tiền Ngô Thị T; trong nội dung giấy mượn tiền 17/6/2022 thể hiện số tiền mượn là 20.000.000 đồng, có chữ viết và chữ ký của người mượn tiền là Ngô Thị T và trong nội dung giấy mượn tiền vào 11/10/2022 thể hiện nội dung số tiền mượn là 60.000.000 đồng, có chữ viết và chữ ký của người mượn tiền là vợ Ngô Thị T, chồng Nguyễn Bình Đ. Như vậy, với những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Bình Đ1, bà Ngô Thị T có vay (mượn) của nguyên đơn bà Đoàn Thị B Chị 03 lần, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Do đó, nội dung khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T phải trả cho bà số tiền 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.500.000 đồng (90.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.250.000 đồng cho nguyên đơn bà Đoàn Thị B Chị.

[2.4]. Nội dung đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với phân tích, đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị B Chị.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị B Chi số tiền nợ 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Bình Đ, bà Ngô Thị T phải chịu 4.500.000 (*bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị B chi số tiền 2.250.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000088 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV4 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV4 – Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn